

**TOÀ ÁN N DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án N dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 Ti trụ sở Toà án N dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn N và gia đình thụ lý số 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Thôn 9 xã E, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Xóm 12, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; địa chỉ Tm trú: Nhà trọ Thân Thị Thu Thanh ĐT 747A, khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và Ti phiên tòa, nguyên đơn – bà Phạm Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn N: Bà X và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 05/10/2017 tại Ủy ban N dân xã N, huyện H, tỉnh N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Vợ chồng bà X,

ông T không còn chung sống với nhau đã bốn năm nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, bà X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

+ *Về con chung*: Có một con chung tên Trần Đình N, sinh ngày 10/12/2014, hiện cháu N đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn, bà X yêu cầu ông T nuôi dưỡng cháu N và bà X không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn T đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không tham gia trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn N không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn N: Chấp nhận cho bà Phạm Thị X được ly hôn với ông Trần Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần Đình N, sinh ngày 10/12/2014 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không có yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Vấn đề tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn - ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông Đường vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn N: Bà Phạm Thị X và ông Trần Văn T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39

ngày 05/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh N. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà X yêu cầu ly hôn với ông T do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã bốn năm. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia tố tụng nhưng ông T không tham gia và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà X, chứng tỏ, ông T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như gìn giữ hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định Ti khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Trần Đình N sinh sống cùng với ông T kể từ thời điểm bà X, ông T không còn chung sống với nhau cho đến nay, cuộc sống của cháu N đã ổn định và bà X yêu cầu giao con chung cháu Trần Đình N cho ông T nuôi dưỡng, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị X phải nộp án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Trần Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn N: Bà Phạm Thị X được ly hôn với ông Trần Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Đình N, sinh ngày 10/12/2014 cho ông Trần X T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Ông T không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Phạm Thị X và ông Trần Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị X phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp Ti Biên lai thu Tm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052128 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc